

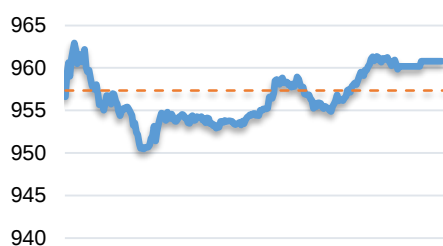
Market Today: Tâm lý ổn định khi TTCK thế giới hồi phục

29/06/2018

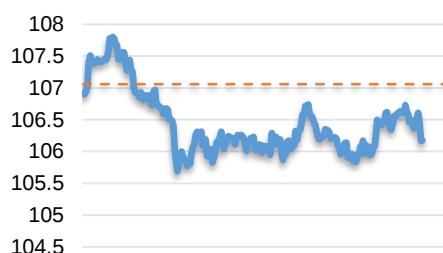
Diễn biến thị trường trong phiên			
Rating	VNI	HNI	UPCoM
Điểm	960.8	106.2	52.0
% ngày	0.36	-0.83	0.63
% tuần	-2.28	-5.19	0.33
% tháng	0.90	-5.95	-0.68
% năm	24.49	7.46	-9.33
GTGD (Triệu đồng)			
Trong ngày	3,174.96	568.02	169.91
Hôm qua	2,649.25	516.49	162.89
TB 1 tháng	3,722.21	572.44	151.20
Khối ngoại (Tỷ đồng)			
Mua	834.20	7.30	55.00
Bán	1,014.90	4.49	39.85
Giá trị ròng	(180.70)	2.81	15.15
Độ rộng TT			
Mã Tăng	139	84	98
Mã Giảm	116	84	74
Không Đổi	98	216	562
Chỉ số chính			
P/E	18.3x	11.2x	11.4x
Vốn hóa TT (ngàn tỷ)	3,030	201	837
LS Cổ tức	2.23	2.83	4.06

Nguồn: Bloomberg – Yuanta Retail Research

VNINDEX



HNX INDEX



DIỄN BIẾN THỊ TRƯỜNG

Ảnh hưởng của giá dầu tăng trong phiên qua đã tác động tích cực tới TTCK Việt Nam. Đồng thời, diễn biến của TTCK Trung Quốc khởi sắc hơn và tỷ giá có dấu hiệu ổn định trở lại. Tuy vậy, còn có những thông tin không quá tích cực CPI tháng 6 cao cũng khiến thị trường thêm phần thận trọng. Phiên giao dịch cuối tuần đóng cửa với những diễn biến sôi động của thị trường. Trong khi chỉ số VN-Index tăng 0.36% lên 960.78 điểm nhờ sự hỗ trợ của một số Bluechips như VHM, VRE, GAS, cũng như một vài cổ phiếu ngân hàng VCB, BID, HDB, TPB... thì chỉ số HNX-Index lại giảm 0.52% xuống 106.2 điểm.

Các cổ phiếu bất động sản, xây dựng, chứng khoán về cuối phiên có diễn biến khả quan hơn đôi chút nhờ sự phục hồi của thị trường. Nhóm dầu khí PVD, PVC, PVB, GAS... đồng loạt tăng điểm trước sự phục hồi của giá dầu. Hai cổ phiếu đáng chú ý là HAG, HNG khi đồng loạt đóng cửa gần cao nhất phiên. Nổi bật YEG giảm sàn sau 3 phiên tăng mạnh.

Thanh khoản thị trường vẫn khá thấp với giá trị giao dịch khoảng 4.600 tỷ đồng, trong đó giá trị khớp lệnh chỉ khoảng 4.000 tỷ đồng. Khối ngoại hôm nay lại bán ròng với tổng giá trị bán ròng trên sàn HSX là tầm 180 tỷ đồng. Trong đó đáng chú ý là việc dòng tiền của khối ngoại bán ròng VIC gần 170 tỷ đồng.

NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG

Chúng tôi cho rằng thị trường có thể sẽ tiếp tục biến động hẹp kèm thanh khoản thấp trong các phiên giao dịch đầu tháng 07/2018. Đồng thời, thị trường vẫn có khả năng sẽ xuất hiện nhịp hồi phục kỹ thuật trong vài phiên tới, nhưng rủi ro ngắn hạn vẫn còn khá cao cho nên các nhà đầu tư ngắn hạn nên hạn chế mở vị thế mua mới. Điểm tích cực chúng tôi nhận thấy là rủi ro từ các thị trường thế giới đang có dấu hiệu giảm dần và đồng USD có khả năng sẽ bước vào giai đoạn điều chỉnh sau chuỗi tăng liên tiếp.

Hệ thống chỉ báo xu hướng của chúng tôi vẫn duy trì mức GIẢM xu hướng ngắn hạn trên hai chỉ số chính với mức cắt lỗ của hệ thống ở mức 1006.05 điểm của chỉ số VN-Index và 114.12 điểm của chỉ số HNX-Index. Do đó, chúng tôi khuyến nghị các nhà đầu tư ngắn hạn có thể tiếp tục đứng ngoài thị trường và vẫn ưu tiên hạ tỷ trọng cổ phiếu trong nhịp hồi về mức khuyến nghị.

Tỷ trọng khuyến nghị: 28% cổ phiếu/72% tiền mặt.

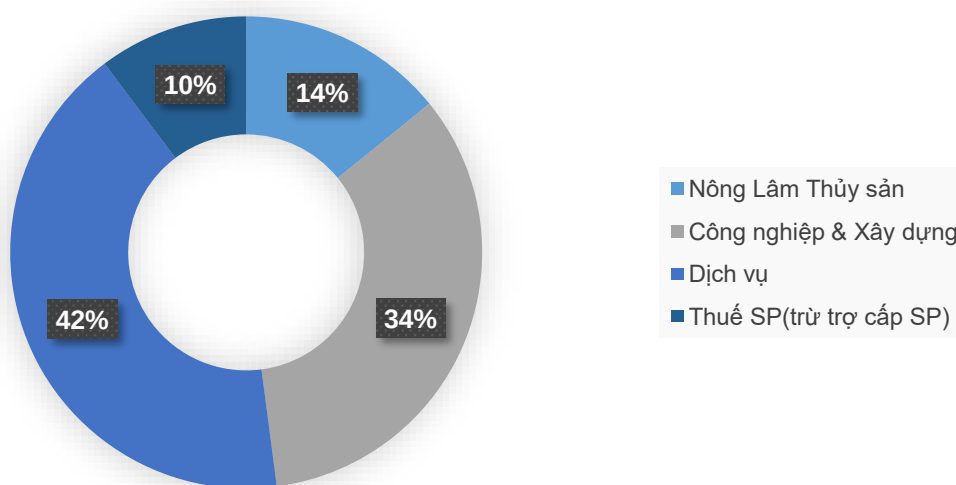


NOTES

Tổng sản phẩm trong nước (GDP) 6 tháng đầu năm 2018

Tổng sản phẩm trong nước (GDP) 6 tháng đầu năm 2018 ước tính tăng 7,08% so với cùng kỳ năm trước, là mức tăng cao nhất của 6 tháng kể từ năm 2011 trở về đây. Trong mức tăng trưởng của toàn nền kinh tế, khu vực nông – lâm nghiệp và thủy sản chiếm tỷ trọng 14,15% GDP; khu vực công nghiệp và xây dựng chiếm tỷ trọng 33,78% GDP; khu vực dịch vụ chiếm tỷ trọng 41,82% GDP; ngoài ra còn có thuế sản phẩm (trừ trợ cấp sản phẩm) chiếm tỷ trọng 10,25%.

CƠ CẤU GDP VIỆT NAM - 6 THÁNG ĐẦU NĂM



Khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản: mức tăng trưởng 6 tháng năm nay cao nhất trong giai đoạn 2012-2018, trong đó ngành nông nghiệp tiếp tục khẳng định xu hướng phục hồi rõ nét khi đạt mức tăng 3.28%, đóng góp 0.45 điểm phần trăm vào tốc độ tăng của tổng giá trị tăng thêm toàn nền kinh tế; ngành thủy sản đạt kết quả khá tốt với mức tăng 6.41%, cũng là mức tăng trưởng cao nhất 8 năm qua.

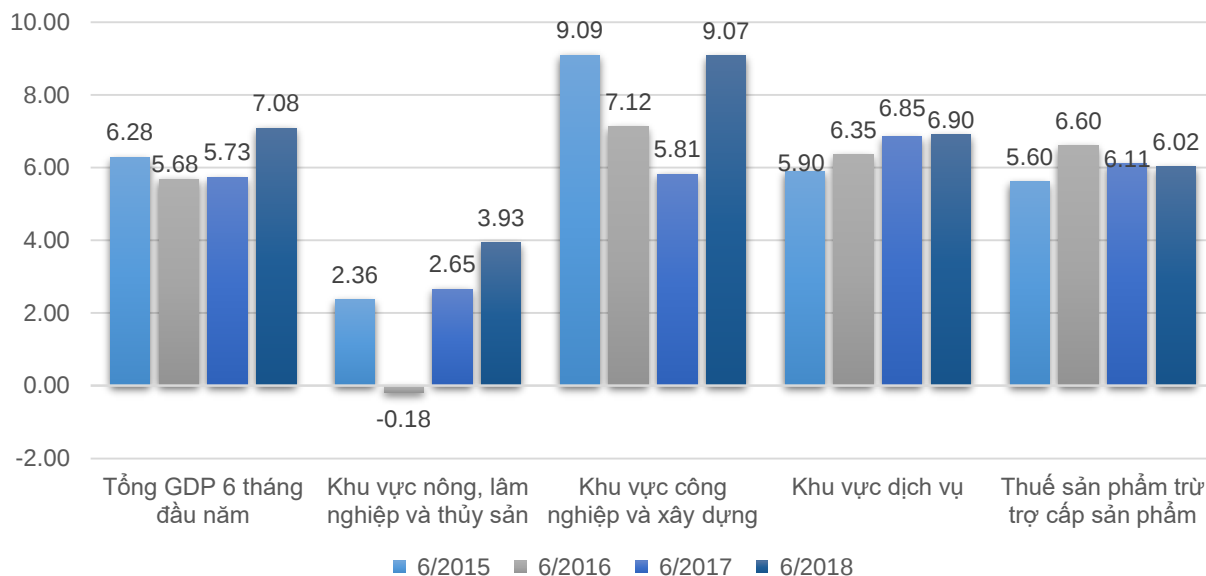
Khu vực công nghiệp và xây dựng: ngành công nghiệp tăng 9.28%, cao hơn nhiều mức tăng 7.01% và 5.42% của cùng kỳ năm 2016 và năm 2017, đóng góp 3.05 điểm phần trăm vào tốc độ tăng của tổng giá trị tăng thêm toàn nền kinh tế. Điểm sáng của khu vực này là sự tăng trưởng mạnh mẽ của ngành công nghiệp chế biến, chế tạo với mức tăng 13.02% (là mức tăng cao nhất trong 7 năm gần đây), đóng góp 2.63 điểm phần trăm. Trong khi đó, công nghiệp khai khoáng vẫn tăng trưởng âm (giảm 1.3%), làm giảm 0.1 điểm phần trăm mức tăng trưởng 6 tháng đầu năm nhưng mức giảm đã thu hẹp đáng kể so với mức giảm 7.8% của cùng kỳ năm trước. Ngành xây dựng 6 tháng đầu năm duy trì được mức tăng trưởng khá với tốc độ 7.93%, đóng góp 0.48 điểm phần trăm.

Khu vực dịch vụ: 6 tháng đầu năm tăng 6.90%, là mức tăng trưởng cao nhất 7 năm gần đây.



We Create **Fortune**

Tốc độ tăng trưởng 6 tháng đầu năm từ 2015 - 2018



Nguồn: Tổng cục thống kê



We Create **Fortune**

BIỂU ĐỒ PHÂN TÍCH KỸ THUẬT



Diễn biến thị trường của chỉ số VN-Index



Diễn biến thị trường của chỉ số HNX-Index

	Xu hướng ngắn hạn	Xu hướng trung hạn	Mức kháng cự 1	Mức kháng cự 2	Mức hỗ trợ 1	Mức hỗ trợ 2
Chỉ số VN-Index	GIẢM	GIẢM	1,000.0	1,026.6	975.0	894.0
Chỉ số HNX-Index	GIẢM	GIẢM	121.0	126.5	112.9	107.0

We Create Fortune

BẢNG THEO DÕI XU HƯỚNG CÁC CỔ PHIẾU

CP	Giá	Xu hướng ngắn hạn	Xu hướng trung hạn	Giá mua ngắn hạn	Mức cắt lỗ ngắn hạn	%LN ngắn hạn tạm tính	Tín hiệu ngắn hạn	Giá mua trung hạn	Mức cắt lỗ trung hạn	%LN trung hạn tạm tính	Tín hiệu trung hạn
AAA	18.90	GIẢM	GIẢM		20.38				22.42		
ACB	35.60	GIẢM	GIẢM		40.32				46.17		
BFC	27.00	GIẢM	GIẢM		29.09				31.94		
BHN	91.50	GIẢM	GIẢM		113.76				132.78		
BID	26.00	GIẢM	GIẢM		29.19				36.70		
BMP	58.60	GIẢM	GIẢM		63.33				63.44		
BSR	17.80	GIẢM	TĂNG		19.44						
BVH	81.30	GIẢM	GIẢM		90.62				105.65		
BWE	16.50	GIẢM	GIẢM		17.30				21.09		
CEO	13.20	GIẢM	GIẢM		15.40				17.99		
CHP	23.00	TĂNG	GIẢM	24.65	22.63	-6.69%			23.35		
CSM	13.90	GIẢM	TĂNG		14.84			14.80	12.77	-6.08%	
CTD	152.40	TĂNG	TĂNG	138.00	149.26	10.43%		155.00	128.22	-1.68%	MUA
CTG	24.25	GIẢM	GIẢM		26.88				32.81		
CTI	29.10	GIẢM	GIẢM		29.34				34.33		
CVT	27.90	GIẢM	GIẢM		30.84				33.98		
DGW	26.00	GIẢM	TĂNG		27.45			16.40	24.79	58.54%	
DHA	29.90	TĂNG	GIẢM	28.70	28.37	4.18%			30.63		
DHC	42.80	GIẢM	GIẢM		43.89				46.93		
DHG	102.00	GIẢM	TĂNG		107.80			115.00	96.90	-11.30%	
DPG	50.80	GIẢM	GIẢM		53.98				62.82		
DPM	17.20	GIẢM	GIẢM		17.76				18.72		
DPR	39.00	GIẢM	GIẢM		40.35				42.17		
DQC	31.50	GIẢM	GIẢM		33.78				37.41		
DRC	23.60	TĂNG	GIẢM	22.40	22.32	5.36%			24.80		
DXG	27.15	GIẢM	TĂNG		30.27			33.75	26.32	-19.56%	
ELC	10.00	GIẢM	GIẢM		11.25				12.46		
FCN	16.95	TĂNG	TĂNG	15.40	15.94	10.06%		17.70	13.53	-4.24%	
FIT	4.44	GIẢM	GIẢM		4.84				6.28		
FMC	20.20	GIẢM	GIẢM		22.50				24.44		
FPT	41.50	GIẢM	GIẢM		45.85				52.83		
GAS	88.50	GIẢM	GIẢM		95.19				119.25		
GIL	41.80	TĂNG	TĂNG	44.00	40.12	-5.00%		34.90	40.00	19.77%	
GMD	25.05	GIẢM	GIẢM		27.24				29.31		
GTN	9.10	GIẢM	GIẢM		9.75				11.53		
HAG	5.21	TĂNG	GIẢM	5.01	4.76	3.99%			5.68		
HAX	15.80	GIẢM	GIẢM		17.04				18.67		
HBC	23.85	GIẢM	TĂNG		26.70			25.90	21.52	-7.92%	MUA



We Create Fortune

HDB	36.15	GIẢM	GIẢM		38.68				44.56	
HNG	10.20	TĂNG	TĂNG	8.36	9.19	22.01%		8.20	7.24	24.39%
HPG	38.40	GIẢM	TĂNG		41.89			43.80	36.64	-12.33%
HSG	12.10	TĂNG	GIẢM	11.30	11.80	7.08%			13.72	
HT1	11.50	GIẢM	GIẢM		12.56				14.31	
HUT	6.00	GIẢM	GIẢM		6.72				7.82	
HVN	33.40	TĂNG	GIẢM	33.10	32.59	0.91%			47.23	
ITD	12.20	GIẢM	TĂNG		13.32			12.40	11.14	-1.61%
KBC	11.95	GIẢM	GIẢM		12.88				14.33	
KDH	31.00	GIẢM	GIẢM		32.44				37.45	
KSB	34.75	GIẢM	GIẢM		38.13				40.92	
LCG	9.34	GIẢM	GIẢM		9.68				9.54	
LIX	41.70	GIẢM	GIẢM		43.27				46.98	
LPB	11.20	GIẢM	GIẢM		12.26				17.46	
LSS	7.68	GIẢM	GIẢM		8.35				9.60	
MSN	79.00	GIẢM	GIẢM		85.13				98.60	
MWG	114.00	GIẢM	TĂNG		123.44			121.00	104.78	-5.79%
NKG	15.60	GIẢM	GIẢM		17.68				18.17	
NLG	28.00	GIẢM	GIẢM		29.98				31.83	
NT2	29.10	TĂNG	GIẢM	29.80	28.46	-2.35%			31.66	
NTL	9.65	GIẢM	TĂNG		10.08			10.45	8.94	-7.66%
NTP	46.00	GIẢM	GIẢM		50.12				58.36	
PAC	41.70	TĂNG	GIẢM	42.50	38.21	-1.88%			45.35	
PC1	32.30	TĂNG	GIẢM	32.30	30.68	0.00%			34.50	
PDR	30.70	TĂNG	GIẢM	32.30	30.24	-4.95%			33.68	
PGC	15.00	TĂNG	GIẢM	14.35	13.76	4.53%			15.72	
PHR	20.80	GIẢM	GIẢM		23.24				26.99	
PLC	16.20	GIẢM	GIẢM		16.94				19.51	
PLX	58.50	GIẢM	GIẢM	65.60	58.92	-10.18%	BÁN		74.79	
PNJ	87.00	GIẢM	GIẢM		104.65				126.50	
POW	13.10	GIẢM	TĂNG		13.98					
PPC	17.60	TĂNG	GIẢM	17.75	16.86	-0.85%			19.39	
PTB	56.00	GIẢM	GIẢM		61.31				104.22	
PVD	13.65	GIẢM	GIẢM		14.25				17.99	
PVI	29.00	GIẢM	GIẢM	31.01	31.29	0.92%	BÁN		34.16	
PVS	17.30	TĂNG	GIẢM	17.70	15.99	-2.26%			22.02	
PXS	5.12	GIẢM	GIẢM		5.44				7.11	
RAL	102.30	GIẢM	GIẢM		109.08				122.54	
REE	31.90	GIẢM	GIẢM		33.00				37.12	
SAB	225.50	GIẢM	TĂNG		233.59			252.40	207.41	-10.66%
SAM	7.00	GIẢM	GIẢM		7.17				8.11	
SBV	28.90	GIẢM	GIẢM		29.57				31.14	
SCR	8.85	GIẢM	GIẢM		9.64				11.17	



We Create Fortune

SHI	6.99	TĂNG	TĂNG	7.00	6.32	-0.14%		6.99	5.88	0.00%	
SJS	20.80	GIẢM	GIẢM		22.60				25.43		
SKG	19.80	GIẢM	TĂNG		21.57			20.60	19.70	-3.88%	MUA
SSI	28.50	GIẢM	GIẢM		31.97				37.51		
STB	11.55	GIẢM	GIẢM		12.50				13.83		
SVC	48.15	GIẢM	GIẢM		48.36				51.89		
TCM	19.80	GIẢM	GIẢM		21.24				22.70		
TDH	13.95	GIẢM	GIẢM		14.52				15.83		
TLH	8.67	GIẢM	GIẢM		9.00				10.83		
TMT	6.90	GIẢM	GIẢM		7.76				10.56		
TNG	10.40	GIẢM	GIẢM		10.88				14.43		
TYA	11.45	GIẢM	GIẢM		12.00				14.12		
VCB	58.00	TĂNG	GIẢM	54.10	54.88	7.21%			64.41		
VFG	36.30	GIẢM	GIẢM	27.68	36.80	32.93%	BÁN	44.69	41.83	-6.40%	
VGC	20.60	GIẢM	GIẢM		25.11				26.55		
VIB	26.80	GIẢM	GIẢM		29.56				34.84		
VIC	107.50	TĂNG	GIẢM	116.00	100.62	-7.33%			132.50		
VIP	6.95	GIẢM	TĂNG		7.16			6.71	6.82	3.51%	
VJC	141.80	GIẢM	GIẢM		147.37				184.83		
VKC	6.40	GIẢM	TĂNG		6.80			6.80	5.68	-5.88%	
VNM	170.00	GIẢM	GIẢM		180.96				184.77		
VPB	28.70	GIẢM	GIẢM		33.16				33.19		
VRC	18.20	TĂNG	GIẢM	17.10	16.88	6.43%			19.26		
VRE	38.80	GIẢM	GIẢM		42.05				51.30		
VSC	34.85	GIẢM	TĂNG		36.78			35.30	29.50	-1.27%	MUA
VSH	17.30	GIẢM	TĂNG		17.58			17.40	16.36	-0.57%	



We Create Fortune

Sàn GDCK TPHCM (HSX)

	Điểm	Chg%
VNI	960.78	0.36
VN30	947.55	0.05
VN Mid	950.55	(0.25)
VN Small	823.17	0.45

GDKN	GTGD (tỷ VND)	
Mua	834.20	
Bán	1,014.90	
GT ròng	(180.70)	

Mã tăng lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
CII	1,450	5.8%
HDG	1,700	5.2%
DRH	850	5.0%
GEX	1,600	5.0%
HDB	1,550	4.5%

Mã giảm lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
VNG	(1,000)	-6.5%
ITA	(120)	-4.4%
HCM	(2,600)	-4.4%
PNJ	(3,300)	-3.7%
DIG	(600)	-3.3%

*GTVH > 500 tỷ đồng, GTGD >1.5 tỷ đồng

GTVH cao nhất	Tỷ đồng	
VIC	343,100	
VHM	301,188	
VNM	246,712	
VCB	208,671	
GAS	169,385	

KLGD nhiều nhất	Giá trị (triệu)	TB 30 ngày
HAG	7.50	4.61
KSA	6.10	-
HPG	5.17	6.86
FLC	4.81	6.01
VPB	3.86	5.12

Nguồn: Bloomberg & Yuanta Research

Sàn GDCK Hà Nội (HSX)

	Điểm	Chg%
HNI	106.17	(0.83)
HN30	189.63	(1.35)
VNX AllSh	1,343.11	(0.22)

GDKN	GTGD (tỷ VND)	
Mua	7.30	
Bán	4.49	
GT ròng	2.81	

Mã tăng lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
L14	3,200	9.8%
NVB	200	2.7%
SHN	200	1.9%
TTB	200	0.9%

Mã giảm lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
VCS	(3,700)	-4.5%
VGC	(900)	-4.2%
NDN	(400)	-3.0%
MBS	(300)	-1.9%
CEO	(200)	-1.5%

GTVH cao nhất	Tỷ đồng	
ACB	38,608	
VCS	12,528	
SHB	9,866	
VGC	9,236	
PVS	7,728	

KLGD nhiều nhất	Giá trị (triệu)	TB 30 ngày
SHB	5.33	8.08
VGC	3.53	2.32
ACB	3.03	4.33
PVS	2.03	4.21
NSH	1.02	1.08

Nguồn: Bloomberg & Yuanta Research

Sàn GDCK UPCoM (UPCoM)

	Điểm	Chg%
UPCoM	51.97	0.63

GDKN	GTGD (tỷ VND)	
Mua	55.00	
Bán	39.85	
GT ròng	15.15	

Mã tăng lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
NHH	7,000	9.0%
SWC	700	5.7%
QNS	500	1.4%
BSR	200	1.1%
LTG	400	1.0%

Mã giảm lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
OIL	(1,200)	-6.8%
SDI	(1,000)	-2.0%
DVN	(200)	-1.3%
MCH	(900)	-1.0%
SCS	(1,600)	-0.9%

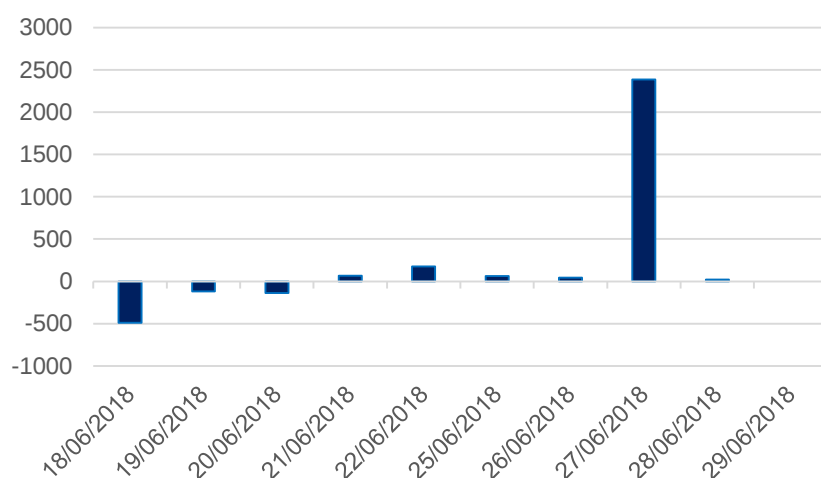
GTVH cao nhất	Tỷ đồng	
ACV	199,207	
BSR	55,809	
MCH	47,262	
HVN	41,571	
GVR	35,600	

KLGD nhiều nhất	Giá trị (triệu)	TB 30 ngày
OIL	2.33	0.71
BSR	1.47	1.01
POW	0.83	1.30
LPB	0.66	1.80
HVN	0.27	0.46

Nguồn: Bloomberg & Yuanta Research

We Create Fortune

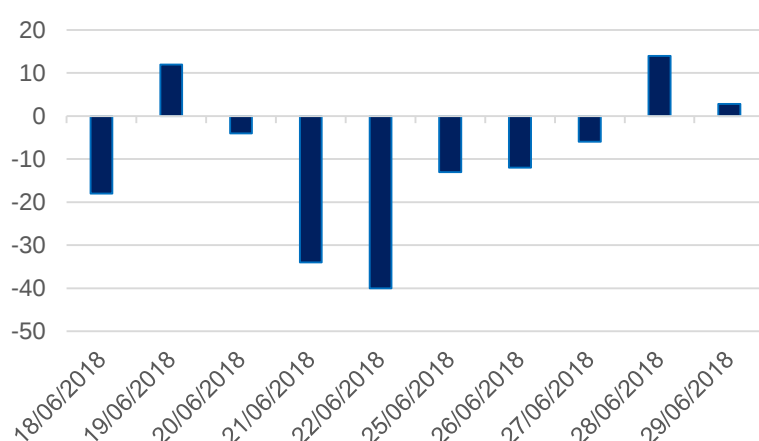
Diễn biến Mua/Bán ròng Khối ngoại HSX



Mã CK	Giá trị mua ròng (triệu VNĐ)	Mã CK	Giá trị Bán ròng (triệu VNĐ)
DXG	24,160	VIC	(169,926)
VCB	12,279	HPG	(33,197)
GAS	11,699	MSN	(18,534)
CTD	9,810	VRE	(13,122)
VNM	8,147	CTG	(12,940)

TOP 5 Cổ phiếu khối ngoại Mua/Bán trên sàn HSX

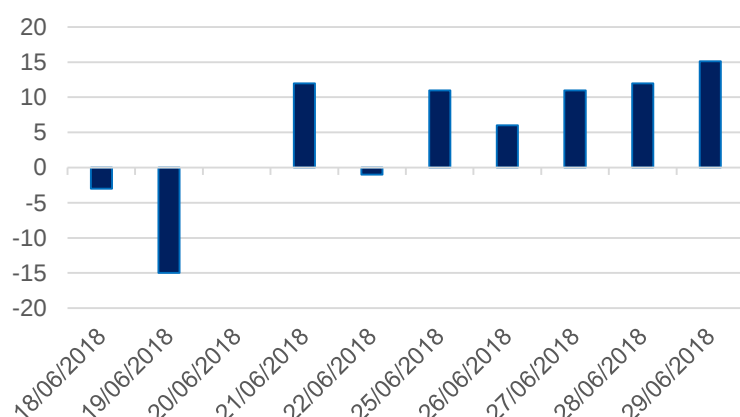
Diễn biến Mua/Bán ròng Khối ngoại HNX



Mã CK	Giá trị mua ròng (triệu VNĐ)	Mã CK	Giá trị Bán ròng (triệu VNĐ)
SHB	2,619	PVS	(2,408)
VCS	1,210	DNP	(442)
VNR	676	CSC	(407)
VCG	336	PTI	(200)
CIA	311	TV3	(174)

TOP 5 Cổ phiếu khối ngoại Mua/Bán trên sàn HNX

Diễn biến Mua/Bán ròng Khối ngoại Upcom



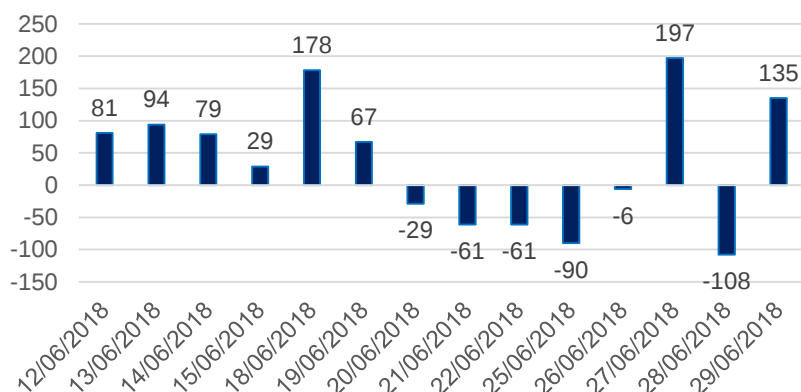
Mã CK	Giá trị mua ròng (triệu VNĐ)	Mã CK	Giá trị Bán ròng (triệu VNĐ)
MCH	6,045	BSR	(10,875)
ACV	5,117	BCM	(136)
POW	3,390	SKH	(134)
SCS	2,047	PHH	(69)
LTG	1,987	IPA	(14)

TOP 5 Cổ phiếu khối ngoại Mua/Bán trên sàn UPCoM

We Create **Fortune**

THỐNG KÊ GIAO DỊCH TỰ DOANH

Giá trị giao dịch tự doanh mua/bán ròng (tỷ đồng)

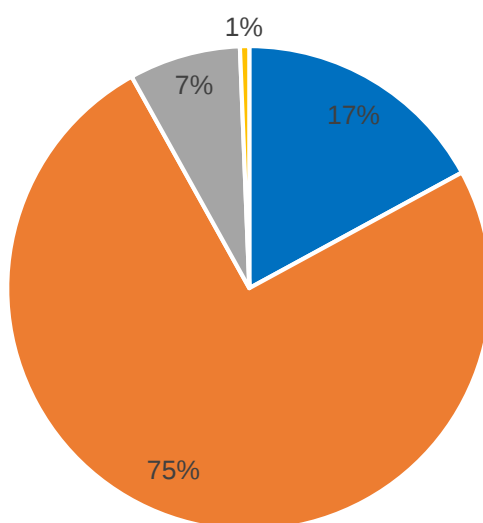


Mã CK	Giá trị đặt mua (triệu VNĐ)	Mã CK	Giá trị đặt bán (triệu VNĐ)
ROS	29,162	VIC	102,901
CTG	12,725	ROS	28,582
HDG	8,290	VNM	22,720
BSI	5,675	DXG	12,740
DIG	5,309	HPG	7,169

Top 5 các mã đạt GDTD lớn nhất

CƠ CẤU THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN VIỆT NAM

Cơ cấu nhà đầu tư trên sàn HSX



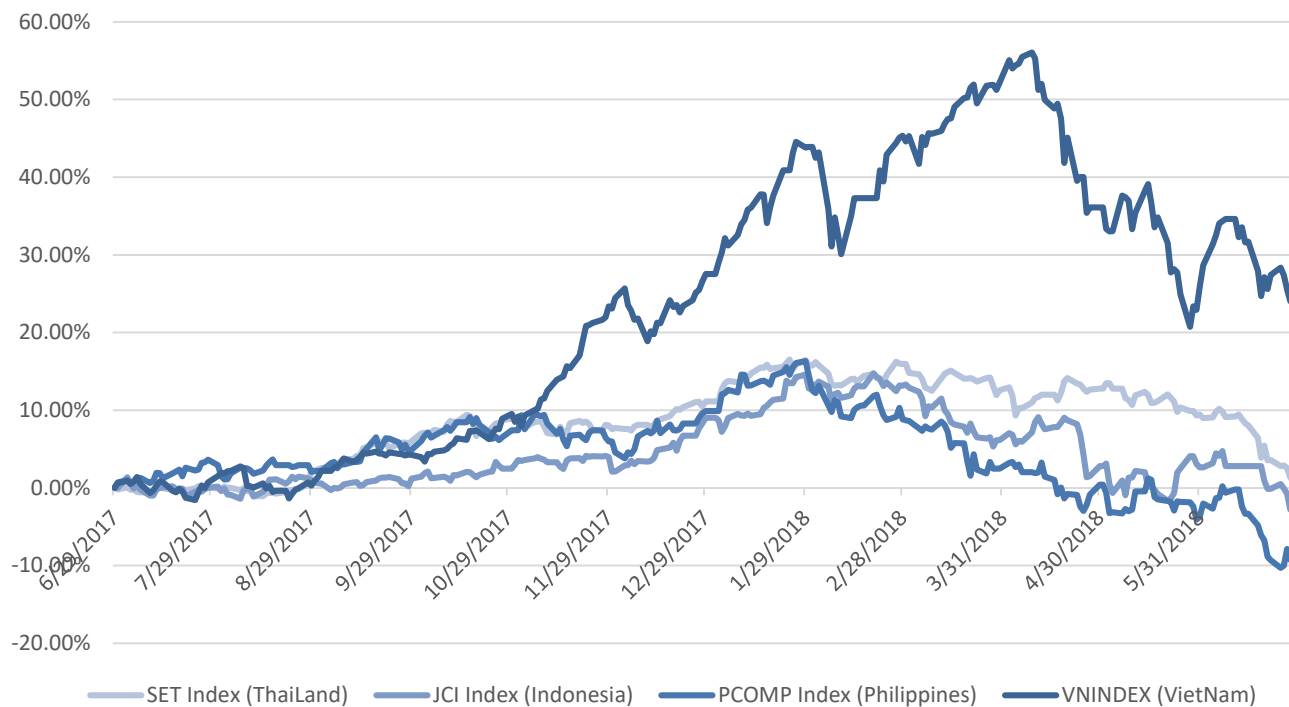
■ Tổ chức nước ngoài ■ Cá nhân trong nước ■ Tổ chức trong nước ■ Cá nhân nước ngoài

Nguồn: FiinPro – Yuanta Retail Research



We Create Fortune

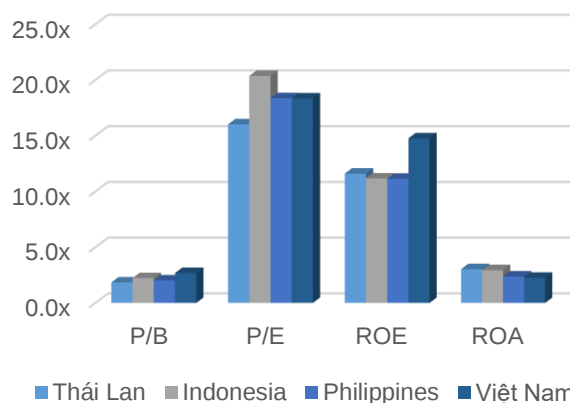
Diễn biến các thị trường trong khu vực



Dữ liệu thị trường các quốc gia trong khu vực

		Thái Lan	Indonesia	Philippines	Việt Nam
P/B		1.8x	2.2x	2.0x	2.7x
P/E		16.0x	20.4x	18.4x	18.3x
ROE	%	11.60	11.17	11.14	14.77
ROA	%	3.03	2.94	2.37	2.26
Vốn hóa	Tỷ USD	485.66	445.89	165.15	132.10
GTGD	Triệu USD	1.54	0.47	0.08	0.14
LS cổ tức	%	3.24	2.35	1.74	2.23

Nguồn: Bloomberg & Yuanta Research





We Create **Fortune**

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN YUANTA VIỆT NAM

Phòng phân tích khối khách hàng cá nhân

Nguyễn Thế Minh

Giám đốc Nghiên cứu Phân tích

+84 28 3622 6868 ext 3826

minh.nguyen@yuanta.com

Quách Đức Khánh

Chuyên viên phân tích cao cấp

+84 28 3622 6868 ext 3833

khanh.quach@yuanta.com

Nguyễn Trịnh Ngọc Hồng

Chuyên viên phân tích

+84 28 3622 6868 ext 3832

hong.nguyen@yuanta.com

Phòng Môi giới khách hàng cá nhân

Nguyễn Thanh Tùng

Giám đốc Môi giới Hội Sở

+84 28 3622 6868 ext 3609

tung.nguyen@yuanta.com.vn

Chung Kim Hoa

Giám đốc Khối khách hàng người Hoa

+84 28 3622 6868 ext 3828

hoa.chung@yuanta.com.vn

Phù Vĩnh Quế

Giám đốc chi nhánh Chợ Lớn

+84 28 3622 6868

que.phu@yuanta.com.vn

Nguyễn Việt Quang

Giám đốc chi nhánh Hà Nội

+84 28 3622 6868 ext 3404

quang.nguyen@yuanta.com.vn

Võ Thị Thu Thủy

Giám đốc chi nhánh Bình Dương

+84 28 3622 6868 ext 3505

thuy.vo@yuanta.com.vn

Bùi Quốc Phong

Giám đốc chi nhánh Đồng Nai

+84 28 3622 6868

phong.bui@yuanta.com.vn



Appendix A: Important Disclosures

Analyst Certification

Each research analyst primarily responsible for the content of this research report, in whole or in part, certifies that with respect to each security or issuer that the analyst covered in this report: (1) all of the views expressed accurately reflect his or her personal views about those securities or issuers; and (2) no part of his or her compensation was, is, or will be, directly or indirectly, related to the specific recommendations or views expressed by that research analyst in the research report.

Ratings Definitions

BUY: We have a positive outlook on the stock based on our expected absolute or relative return over the investment period. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile. We recommend investors add to their position.

HOLD-Outperform: In our view, the stock's fundamentals are relatively more attractive than peers at the current price. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile.

HOLD-Underperform: In our view, the stock's fundamentals are relatively less attractive than peers at the current price. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile.

SELL: We have a negative outlook on the stock based on our expected absolute or relative return over the investment period. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile. We recommend investors reduce their position.

Under Review: We actively follow the company, although our estimates, rating and target price are under review.

Restricted: The rating and target price have been suspended temporarily to comply with applicable regulations and/or Yuanta policies.

Note: Yuanta research coverage with a Target Price is based on an investment period of 12 months. Greater China Discovery Series coverage does not have a formal 12 month Target Price and the recommendation is based on an investment period specified by the analyst in the report.

Global Disclaimer

© 2018 Yuanta. All rights reserved. The information in this report has been compiled from sources we believe to be reliable, but we do not hold ourselves responsible for its completeness or accuracy. It is not an offer to sell or solicitation of an offer to buy any securities. All opinions and estimates included in this report constitute our judgment as of this date and are subject to change without notice.

This report provides general information only. Neither the information nor any opinion expressed herein constitutes an offer or invitation to make an offer to buy or sell securities or other investments. This material is prepared for general circulation to clients and is not intended to provide tailored investment advice and does not take into account the individual financial situation and objectives of any specific person who may receive this report. Investors should seek financial advice regarding the appropriateness of investing in any securities, investments or investment strategies discussed or recommended in this report. The information contained in this report has been compiled from sources believed to be reliable but no representation or warranty, express or implied, is made as to its accuracy, completeness or correctness. This report is not (and should not be construed as) a solicitation to act as securities broker or dealer in any jurisdiction by any person or company that is not legally permitted to carry on such business in that jurisdiction.

Yuanta research is distributed in the United States only to Major U.S. Institutional Investors (as defined in Rule 15a-6 under the Securities Exchange Act of 1934, as amended and SEC staff interpretations thereof). All transactions by a US person in the securities mentioned in this report must be effected through a registered broker-dealer under Section 15 of the Securities Exchange Act of 1934, as amended. Yuanta research is distributed in Taiwan by Yuanta Securities Investment Consulting. Yuanta research is distributed in Hong Kong by Yuanta Securities (Hong Kong) Co. Limited, which is licensed in Hong Kong by the Securities and Futures Commission for regulated activities, including Type 4 regulated activity (advising on securities). In Hong Kong, this research report may not be redistributed, retransmitted or disclosed, in whole or in part or any form or manner, without the express written